

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672001 - Hình họa – Vẽ kỹ thuật cơ bản

STC : 2(30,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Thái Ngọc	Quý	3771020142	26/03/1995	1,50	1,60	1,60	
2	Đặng Hữu	Hà	3771040030	02/09/1995	8,00	6,20	6,70	
3	Huỳnh Văn	Hội	3771040040	12/03/1995	8,70	7,20	7,70	
4	Đặng Phúc Nhật	Đặng	3771040074	03/07/1995	8,10	4,10	5,30	
5	Đoàn Nhất	Vũ	3771040077	20/03/1995	,00	,00	,00	CT
6	Huỳnh Tấn	Phát	3771040096	05/10/1991	10,00	6,80	7,80	
7	Đỗ Hữu	Phúc	3771040107	14/11/1995	7,50	2,70	4,10	
8	Từ Trương Hồng	Ngọc	3771040133	05/04/1994	9,00	5,60	6,60	
9	Nguyễn Minh	Ngân	3771040152	10/11/1995	9,00	3,70	5,30	
10	Phạm Vi	Sinh	3771040255	01/10/1995	10,00	1,20	3,80	
11	Trần Lê Anh	Tài	3771040381	25/04/1995	4,20			
12	Trịnh Vũ Trường	Giang	3771040409	04/11/1995	6,30	3,80	4,60	
13	Đặng Lê Quốc	Huy	3771040422	30/11/1994	9,60	3,50	5,30	
14	Vũ Trọng	Thành	3771040448	28/03/1995	5,00	,50	1,90	
15	Võ Minh	Quân	3771040468	25/09/1995	7,20	1,40	3,10	
16	Nguyễn Thanh	Tùng	3771040475	27/12/1995	8,00	6,30	6,80	
17	Hồ Xuân	Minh	3771040486	21/07/1995	9,30	5,10	6,40	
18	Nguyễn Thành	Tài	3771040508	16/08/1994	,00	,00	,00	CT
19	Nguyễn Như	Đông	3771040516	22/07/1995	7,80	1,70	3,50	
20	Lê Quang	Huy	3771040699	12/10/1994	6,10	1,90	3,20	
21	Huỳnh Văn Phong	Nhã	3771040729	25/07/1995	9,50	1,20	3,70	
22	Nguyễn Minh	Triệu	3771040731	24/04/1995	8,90	4,40	5,80	
23	Nguyễn	Khoa	3771040794	24/05/1995	6,60	,00	2,00	
24	Đinh Hoàng	Phúc	3771040805	10/01/1995	5,00	2,80	3,50	
25	Hoàng Anh	Năm	3771040817	27/05/1995	1,80	3,50	3,00	
26	Ngô Duy	Phước	3771040841	30/05/1995	10,00	5,50	6,90	
27	Đinh Quốc	Tuấn	3771040881	12/08/1995	10,00	7,90	8,50	
28	Phạm Thanh	Hưng	3771040887	26/03/1994	8,90	5,90	6,80	
29	Trần Phi	Long	3771040915	21/10/1990	9,40	3,70	5,40	
30	Lê Hoài	Sang	3771040931	30/08/1995	5,20	3,80	4,20	
31	Nguyễn Trọng	Hiếu	3771040953	18/09/1995	5,20	3,40	3,90	
32	Phan Thanh	Phong	3771040954	19/06/1995	6,50	3,60	4,50	
33	Hà Đông	Anh	3771040985	09/05/1995	3,60	6,10	5,40	
34	Võ Văn Đăng	Phương	3771040986	06/01/1993	4,90	3,20	3,70	
35	Hồ	Hoàng	3771041041	29/03/1995	,00			

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Dương Gia	Bảo	3771041050	13/04/1995	4,30			
37	Dương Tấn	Thành	3771041051	18/03/1995	2,80	2,80	2,80	
38	Nguyễn Vũ Đoan	Chiều	3771041068	01/01/1994	4,80	4,90	4,90	
39	Đỗ Gia	Bảo	3771041090	14/02/1995	7,80	1,50	3,40	
40	Phan Phúc	Hiền	3771041136	12/01/1995	,00	,00	,00	CT
41	Lê Thanh	Đôn	3771041226	16/03/1995	5,70	,30	1,90	
42	Doãn Minh	Hải	3771041238	06/06/1994	10,00	8,90	9,20	
43	Trang Nguyễn Sĩ	Thái	3771041241	16/01/1995	10,00	7,70	8,40	
44	Võ Long	Khánh	3771041298	15/02/1995	6,80	1,60	3,20	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)